

TRUNG ƯƠNG HỘI ĐÔNG Y VIỆT NAM
TTND. BS. TRẦN VĂN BẢN

CHẨN ĐOÁN HỌC ĐÔNG Y



NHÀ XUẤT BẢN Y HỌC

TRUNG ƯƠNG HỘI ĐÔNG Y VIỆT NAM
TTND. BS. TRẦN VĂN BẢN

CHẨN ĐOÁN HỌC ĐÔNG Y

NHÀ XUẤT BẢN Y HỌC
HÀ NỘI - 2009

MỤC LỤC

Lời giới thiệu	3
----------------	---

Lời nói đầu	5
-------------	---

PHẦN THỨ NHẤT

MỘT SỐ HỌC THUYẾT CỦA ĐÔNG Y	7
------------------------------	---

I. HỌC THUYẾT ÂM DƯƠNG	9
------------------------	---

1. ĐẠI CƯƠNG	9
--------------	---

2. CÁC QUY LUẬT CƠ BẢN CỦA HỌC THUYẾT ÂM DƯƠNG	9
--	---

2.1. Âm dương đối lập	9
-----------------------	---

2.2. Âm dương hỗ căn	9
----------------------	---

2.3. Âm dương tiêu trưởng	10
---------------------------	----

2.4. Âm dương bình hành	11
-------------------------	----

3. ỨNG DỤNG TRONG Y HỌC	12
-------------------------	----

3.1. Quan hệ âm dương đối với sinh lý trong cơ thể	12
--	----

3.2. Về quá trình phát sinh ra bệnh tật	15
---	----

3.3. Về chẩn đoán	16
-------------------	----

3.4. Về phương pháp điều trị	17
------------------------------	----

3.5. Dưỡng sinh phòng bệnh	18
----------------------------	----

II. HỌC THUYẾT NGŨ HÀNH	20
1. ĐẠI CƯƠNG	20
2. NỘI DUNG CỦA HỌC THUYẾT NGŨ HÀNH	20
2.1. Sự qui loại ngũ hành trong thiên nhiên và cơ thể con người	20
2.2. Các qui luật của ngũ hành	24
2.2.1. Qui luật tương sinh	25
2.2.2. Qui luật tương khắc	25
2.2.3. Tương thừa	26
2.2.4. Tương vũ	26
3. ỨNG DỤNG TRONG Y HỌC	27
3.1. Về quan hệ sinh lý	27
3.2. Về quan hệ bệnh lý	27
3.3. Chẩn đoán	28
3.4. Biện chứng luận trị	28
- Bệnh tâm	29
- Bệnh can	30
- Bệnh tỳ	30
- Bệnh phế	31
- Bệnh thận	32
3.5. Vận dụng vào châm cứu	33
3.6. Vận dụng học thuyết Ngũ hành vào việc sử dụng thuốc	34
4. MỐI QUAN HỆ GIỮA HỌC THUYẾT ÂM DƯƠNG VÀ HỌC THUYẾT NGŨ HÀNH TRONG CƠ THỂ CON NGƯỜI	35

III. NHÂN THÂN PHÚ	37
1. NHÂN THÂN PHÚ (LƯỢC DỊCH NGUYÊN VĂN)	37
2. CHÚ GIẢI, HÀM NGHĨA NHÂN THÂN PHÚ (LƯỢC DỊCH VÀ DỊCH Ý)	48
IV. HỌC THUYẾT TẠNG TƯỢNG	59
1. ĐẠI CƯƠNG	59
1.1. Quan hệ giữa tạng với tạng	60
1.2. Quan hệ giữa phủ với phủ	60
1.3. Quan hệ giữa tạng với phủ	61
1.4. Quan hệ của ngũ tạng với ngũ thể và thất khiếu	61
1.5. Quan hệ giữa ngũ tạng với ngũ chí	62
1.6. Quan hệ giữa nội tạng với ngũ sắc	62
1.7. Quan hệ giữa nội tạng với ngũ vị	62
1.8. Quan hệ giữa nội tạng với khí hậu bốn mùa	63
II. NGŨ TẠNG	64
2.1. Tâm	64
2.1.1. Tâm là quân chủ, chủ về thần minh	66
2.1.2. Tâm chủ về huyết mạch, vinh nhuận ra ở mắt.	67
2.1.3. Tâm khai khiếu ra lưỡi	67
2.2. Can	68
2.2.1. Can tàng huyết	69
2.2.2. Can là chức vụ tướng quân chủ việc mưu lược	70

2.2.3. Can chủ sơ tiết, điều đạt	70
2.2.4. Quan hệ giữa can với cân và móng tay móng chân	70
2.2.5. Can khai khiếu ra mắt	71
2.3. Tỳ	71
2.3.1. Tỳ chủ việc vận hóa	72
2.3.2. Tỳ thống nhiếp huyết	73
2.3.3. Tỳ chủ tứ chi cơ nhục, vinh nhuận ra môi	73
2.4. Phế	74
2.4.1. Phế chủ khí	75
2.4.2. Phế giữ chức tướng phó, chủ việc điều tiết	76
2.4.3. Phế chủ bì mao	76
2.4.4. Phế khai khiếu ở mũi	77
2.4.5. Quan hệ giữa phế với họng thở và tiếng nói	77
2.5. Thận	77
2.5.1. Thận tàng tinh	78
2.5.2. Thận chủ phát dục	79
2.5.3. Thận chủ về hỏa ở mệnh môn	80
2.5.4. Thận chủ cốt tủy, thông với não	80
2.5.5. Thận chủ thủy	81
2.5.6. Thận khai khiếu ra tai và tiền âm, hậu âm	81
3. LỤC PHỦ	82
3.1. Đởm	82
3.1.1. Đởm giữ chức trung chính, chủ việc quyết đoán	82
3.1.2. Đởm là phủ trung tinh	83
3.1.3. Quan hệ giữa can và đởm	83

3.2. Vị	83
3.2.1. Vị là cái bể chứa đồ ăn, chủ việc làm ngấu như thủy cốc	83
3.2.2. Quan hệ giữa vị và tỳ	84
3.3. Tiểu trường	84
3.3.1. Tiểu trường chủ việc phân hóa vật chất mà phân thanh lọc	85
3.3.2. Quan hệ giữa tâm với tiểu trường	85
3.4. Đại trường	86
3.4.1. Đại trường chủ việc bài tiết chất cặn bã	86
3.4.2. Quan hệ giữa phế và đại trường	86
3.4.3. Quan hệ giữa tiểu trường với đại trường	86
3.5. Bàng quang	87
3.5.1. Bàng quang chủ việc chứa tân dịch	87
3.5.2. Quan hệ giữa bàng quang với thận	88
3.6. Tam tiêu	88
3.6.1. Bộ vị của tam tiêu	88
3.6.2. Công năng của tam tiêu	89
a. Thượng tiêu	89
b. Trung tiêu	90
c. Hạ tiêu	90
3.6.3. Quan hệ giữa tam tiêu và tâm bào lạc	91
4. PHỦ KỲ HẰNG	91
4.1. Não tủy	92
4.1.1. Nguồn gốc và mối quan hệ lẫn nhau giữa não và tủy	92
4.1.2. Chức năng của não và tủy	92

4.2. Bào cung	93
4.2.1. Bào cung ở nữ giới	93
4.2.2. Bào cung ở nam giới	95
V. DINH VỆ, KHÍ HUYẾT, TINH THẦN, TÂN DỊCH	96
1. DINH, VỆ, KHÍ, HUYẾT	96
1.1. Sự sinh thành và phân bố	96
1.1.1. Vệ	96
1.1.2. Khí	97
1.1.3. Dinh	97
1.1.4. Huyết	98
1.2. Tác dụng chủ yếu của dinh, vệ, khí, huyết	98
1.2.1. Vệ và khí	98
1.2.2. Dinh và huyết	101
1.3. Quan hệ lẫn nhau của dinh, vệ, khí, huyết	102
2. TINH	103
3. THẦN	104
3.1. Sự sinh thành và tác dụng của thần	104
3.2. Quan hệ giữa thần với tinh và khí	106
4. TÂN DỊCH	106
4.1. Sự sinh thành và công năng tác dụng của tân dịch	106
4.2. Quan hệ của tân dịch với tinh, khí, huyết	108

VI. HỌC THUYẾT KINH LẠC 109

1. ĐẠI CƯƠNG VỀ KINH LẠC 109

1.1. Giá trị của học thuyết Kinh lạc 109

1.2. Mối quan hệ của 12 kinh mạch 114

1.2.1. Biểu lý tương truyền 114

1.2.2. Thương hạ tương truyền 114

2. MƯỜI HAI KINH MẠCH 115

2.1. Kinh Thủ Thái âm Phế 115

2.1.1. Đường đi và liên quan 115

2.1.2. Các huyết vị 115

2.2. Kinh Thủ Dương minh Đại trường 120

2.2.1. Đường đi và liên quan 120

2.2.2. Các huyết vị 121

2.3. Kinh Túc Dương minh Vị 130

2.3.1. Đường đi và liên quan 130

2.3.2. Các huyết vị 132

2.4. Kinh Túc Thái âm Tỳ 150

2.4.1. Đường đi và liên quan 150

2.4.2. Các huyết vị 151

2.5. Kinh Thủ Thiếu âm Tâm 159

2.5.1. Đường đi và liên quan 159

2.5.2. Các huyết vị 159

2.6. Kinh Thủ Thái dương Tiểu trường	164
2.6.1. Đường đi và liên quan	164
2.6.2. Các huyết vị	164
2.7. Kinh Túc Thái dương Bàng quang	172
2.7.1. Đường đi và liên quan	172
2.7.2. Các huyết vị	174
2.8. Kinh Túc Thiếu âm Thận	199
2.8.1. Đường đi và liên quan	199
2.8.2. Các huyết vị	199
2.9. Kinh Thủ Quyết âm Tâm bào	210
2.9.1. Đường đi và liên quan	210
2.9.2. Các huyết vị	210
2.10. Kinh Thủ Thiếu dương Tam tiêu	215
2.10.1. Đường đi và liên quan	215
2.10.2. Các huyết vị	215
2.11. Kinh Túc Thiếu dương Đởm	225
2.11.1. Đường đi và liên quan	225
2.11.2. Các huyết vị	228
2.12. Kinh Túc Quyết âm Can	245
2.12.1. Đường đi và liên quan	245
2.13.2. Các huyết vị	247
3. KỲ KINH FÁT MẠCH	252
3.1. Mạch Đốc	252
3.1.1. Đường đi	252

3.1.2. Biểu hiện bệnh lý	254
3.1.3. Trị các chứng bệnh	254
3.1.4. Các huyết vị	254
3.2. Mạch Nhâm	267
3.2.1. Đường đi và liên quan	267
3.2.2. Có liên quan nhiên đến các chứng bệnh	267
3.2.3. Các huyết vị	267
3.3. Mạch Đới	281
3.3.1. Đường đi	281
3.3.2. Biểu hiện bệnh lý	281
3.3.3. Chủ trị các chứng bệnh	281
3.3.4. Các huyết vị	281
3.4. Mạch Xung	283
3.4.1. Đường đi và liên quan	283
3.4.2. Biểu hiện bệnh lý	283
3.4.3. Chủ trị các chứng bệnh	284
3.4.4. Các huyết vị	284
3.5. Mạch Dương kiều	286
3.5.1. Đường đi và liên quan	286
3.5.2. Các huyết vị	286
3.6. Mạch Âm kiều	288
3.6.1. Đường đi và liên quan	288
3.6.2. Các huyết vị	288

3.7. Mạch Dương duy	289
3.7.1. Đường đi và liên quan	289
3.7.2. Các huyết vị	289
3.8. Mạch Âm duy	291
3.8.1. Đường đi và liên quan	291
3.8.2. Các huyết vị	291
4. PHÂN BIỆT MƯỜI LĂM LẠC MẠCH HUYỆT	293
Mười lăm biệt lạc	293
5. MƯỜI HAI KINH CÂN	296
1. Kinh cân Túc Thái dương	296
2. Kinh cân Túc Thiếu dương	296
3. Kinh cân Túc Dương minh	297
4. Kinh cân Túc Thái âm	297
5. Kinh cân Túc Thiếu âm	297
6. Kinh cân Túc Quyết âm	298
7. Kinh cân Thủ Thái dương	298
8. Kinh cân Thủ Thiếu dương	298
9. Kinh cân Thủ Dương minh	299
10. Kinh cân Thủ Thái âm	299
11. Kinh cân Thủ Quyết âm	299
12. Kinh cân Thủ Thiếu âm	300

6. NGŨ TẠNG DU HUYỆT 300

7. BÁT HUYỆT HỘI 301

8. KINH NGOẠI KỲ HUYỆT 301

VII. THIÊN NHÂN HỢP NHẤT 312

(Con người và giới tự nhiên)

1. ĐẠI CƯƠNG 312

1.1. Sự biến hoá trong trời đất 312

1.2. Con người với biến hoá của trời đất 312

1.3. Tóm lại 313

2. ẢNH HƯỞNG CỦA KHÍ HẬU BIẾN HOÁ TỚI CƠ THỂ CON NGƯỜI 313

2.1. Tứ thời (bốn mùa) 313

2.1.1. Ý nghĩa 313

2.1.2. Quy luật biến hoá bình thường của khí hậu tứ thời 314

2.1.3. Biến hoá phức tạp của khí hậu tứ thời có liên quan 314

mật thiết tới bệnh tật

2.2. Lục khí 315

2.2.1. Ý nghĩa 315

2.2.2. Quan hệ giữa lục khí và bệnh tật 315

2.3. Lục dâm 316

2.3.1. Ý nghĩa 315

2.3.2. Trạng thái của phong, hoả, thổ, thấp, táo, hàn 315

3. ẢNH HƯỞNG CỦA THỞ NGHỈ ĐỐI VỚI CƠ THỂ CON NGƯỜI	317
3.1. Hoàn cảnh thiên nhiên	317
3.2. Hoàn cảnh thiên nhiên và tật bệnh từng vùng	317
4. CƠ NĂNG THÍCH ỨNG CỦA CON NGƯỜI ĐỐI VỚI HOÀN CẢNH TỰ NHIÊN	318
4.1. Tác dụng của hoàn cảnh tự nhiên đối với cơ thể	318
4.2. Cơ năng thích ứng của con người đối với tứ thời - lục khí	318
5. Ý NGHĨA THỰC TIỄN CỦA SỰ THÍCH NGHỈ CỦA CƠ THỂ CON NGƯỜI VỚI HOÀN CẢNH THIÊN NHIÊN	319
5.1. Trong công tác phòng bệnh	320
5.2. Bệnh phát sinh và biến chuyển cũng theo quy luật của khí hậu nên khi chữa bệnh thầy thuốc cũng phải nắm vững quy luật biến hoá của khí hậu tứ thời	320
6. KẾT LUẬN	321
VIII. NGUYÊN NHÂN GÂY BỆNH	322
1. ĐẠI CƯƠNG	322
2. NGOẠI NHÂN - LỤC DÂM	323
2.1. Phong	324
2.2. Hàn	325
2.3. Thử	325
2.4. Thấp	326

2.5. Táo	327
2.6. Hoả	328
3. DỊCH LỆ	329
4. NỘI NHÂN - THẤT TÌNH	329
4.1. Vui mừng (hỷ) quá độ gây tổn thương tâm khí	330
4.2. Giận dữ (nộ) quá độ gây tổn thương can khí	330
4.3. Lo sầu (ưu) thái quá gây tổn thương phế khí	330
4.4. Nghĩ ngợi (tư) quá độ gây tổn thương tỳ khí	330
4.5. Buồn thương (bi) quá độ gây tổn thương tâm phế	331
4.6. Khiếp sợ (khủng) quá độ gây tổn thương thận khí	331
4.7. Đột nhiên kinh hãi (kinh) quá độ gây thần khí kinh loạn	331
5. BẤT NỘI NGOẠI NHÂN	332
5.1. Ăn uống không cẩn thận làm tổn thương trường vị ảnh hưởng tới công năng tiêu hoá	332
5.2. Lao lực quá độ làm tổn thương tỳ khí khiến thể lực suy kiệt	333
5.3. Sắc dục không điều tiết làm tổn thương thận khí khiến cho cơ thể bị hư nhược	333
5.4. Vấp ngã, đâm chém và trùng thú làm hại, làm cho cơ thể bị tổn thương	333
IX. PHÂN LOẠI CHỨNG HẬU	334
1. CHỨNG HẬU CỦA TẠNG PHỦ	334

1.1. Chứng hậu của tạng tâm (bao quát cả tâm bào lạc)	334
1.1.1. Chứng tâm nhiệt	335
1.1.2. Chứng tâm hư	335
1.1.3. Chứng nhiệt truyền tâm bào	336
1.1.4. Chứng đàm nhiều loạn thần minh	336
1.2. Chứng hậu của phủ tiểu trường	336
1.2.1. Chứng tiểu trường hư hàn	337
1.2.2. Chứng tiểu trường thực nhiệt	337
1.2.3. Chứng tiểu trường khí thống	337
1.3. Chứng hậu của tạng phế	338
1.3.1. Chứng phế hàn	338
1.3.2. Chứng phế nhiệt	339
1.3.3. Chứng phế hư	339
1.3.4. Chứng phế thực	340
1.4. Chứng hậu của phủ đại trường	340
1.4.1. Chứng đại trường hàn	341
1.4.2. Chứng đại tràng nhiệt	341
1.4.3. Chứng đại trường hư	342
1.4.4. Chứng đại trường thực	342
1.5. Chứng hậu của tạng tỳ	342
1.5.1. Chứng tỳ hàn	343
1.5.2. Chứng tỳ nhiệt	343
1.5.3. Chứng tỳ hư	343
1.5.4. Chứng tỳ thực	344

1.6. Chứng hậu của phủ vị	344
1.6.1. Chứng vị hàn	344
1.6.2. Chứng vị nhiệt	344
1.6.3. Chứng vị hư	345
1.6.4. Chứng vị thực	345
1.7. Chứng hậu của tạng can	346
1.7.1. Chứng can hàn	346
1.7.2. Chứng can nhiệt	346
1.7.3. Chứng can hư	346
1.7.4. Chứng can thực	347
1.8. Chứng hậu của phủ đởm	348
1.8.1. Chứng đởm hàn	348
1.8.2. Chứng đởm nhiệt	348
1.8.3. Chứng đởm hư	348
1.8.4. Chứng đởm thực	349
1.9. Chứng hậu của tạng thận	350
1.9.1. Chứng thận âm hư	350
1.9.2. Chứng thận dương hư	350
1.9.3. Chứng âm hư hỏa vượng	350
1.9.4. Chứng mệnh môn hỏa suy	350
1.10. Chứng hậu của phủ bàng quang	352
1.10.1. Chứng bàng quang thực nhiệt	352
1.10.2. Chứng bàng quang hư hàn	353
1.11. Chứng hậu của phủ tam tiêu	354

2. HỘI CHỨNG BỆNH CỦA 12 ĐƯỜNG KINH	355
2.1. Hội chứng bệnh của kinh Thủ Thiếu âm Tâm	355
2.2. Hội chứng bệnh của kinh Thủ Thái dương Tiểu trường	355
2.3. Hội chứng bệnh của kinh Thủ Thái âm Phế	355
2.4. Hội chứng bệnh của kinh Thủ Dương minh Đại trường	356
2.5. Hội chứng bệnh của kinh Túc Thái âm Tỳ	356
2.6. Hội chứng bệnh của kinh Túc Dương minh Vị	356
2.7. Hội chứng bệnh của kinh Túc Quyết âm Can	356
2.8. Hội chứng bệnh của kinh Túc Thiếu dương Đởm	356
2.9. Hội chứng bệnh của kinh Túc Thiếu âm Thận	356
2.10. Hội chứng bệnh của kinh Túc Thái dương Bàng quang	357
2.11. Hội chứng bệnh của kinh Thủ Thiếu dương Tam tiêu	357
2.12. Hội chứng bệnh của kinh Thủ Quyết âm Tâm bào lạc	357
3. CHỨNG BỆNH CỦA BÁT MẠCH KỲ KINH	357
3.1. Chứng bệnh của mạch Xung	357
3.2. Chứng bệnh của mạch Nhâm	357
3.3. Chứng bệnh của mạch Đốc	357
3.4. Chứng bệnh của mạch Đới	357
3.5. Chứng bệnh của mạch Âm kiều	358
3.6. Chứng bệnh của mạch Dương kiều	358
3.7. Chứng bệnh của mạch Âm duy	358

3.8. Chứng bệnh của mạch Dương duy	358
4. HỘI CHỨNG BỆNH CỦA LỤC KINH	359
4.1. Hội chứng bệnh thái dương	359
4.1.1. Phân loại lâm sàng	359
4.1.2. Cơ chế bệnh lý	360
4.2. Hội chứng bệnh dương minh	362
4.2.1. Phân loại lâm sàng	362
4.2.2. Cơ chế bệnh lý	362
4.3. Hội chứng bệnh thiếu dương	364
4.3.1. Phân loại lâm sàng	364
4.3.2. Cơ chế bệnh lý	365
4.4. Hội chứng bệnh thái âm	365
4.4.1. Phân loại lâm sàng	365
4.4.2. Cơ chế bệnh lý	366
4.5. Hội chứng bệnh quyết âm	367
4.5.1. Phân loại lâm sàng	367
a. Chứng thượng nhiệt hạ hàn	367
b. Chứng quyết nhiệt thắng phục	368
c. Chứng quyết nghịch	368
d. Chứng ỉa chảy hoặc nôn ọe	369
4.5.2. Cơ chế bệnh lý	369
4.6. Hội chứng bệnh thiếu âm	370
4.6.1. Phân loại lâm sàng	370
4.6.2. Cơ chế bệnh lý	371

4.7. Sự truyền biến, hợp bệnh, tính bệnh của lục kinh	372
5. HỘI CHỨNG BỆNH VỆ, KHÍ, DINH, HUYẾT	374
5.1. Hội chứng bệnh ở phần vệ	374
5.2. Hội chứng bệnh ở phần khí	374
5.3. Hội chứng bệnh ở phần dinh	374
5.4. Hội chứng bệnh ở phần huyết	374
VI. HỘI CHỨNG BỆNH TAM TIÊU	375
6.1. Hội chứng bệnh ở thượng tiêu	375
6.2. Hội chứng bệnh ở trung tiêu	375
6.3. Hội chứng bệnh ở hạ tiêu	376

PHẦN THỨ HAI

CHẨN ĐOÁN HỌC CỦA ĐÔNG Y 377

I. ĐẠI CƯƠNG 379

1. "Đo lường sự khác thường"	379
2. "Phân tích so sánh"	379
3. "Biến hóa ngược xuôi"	380
4. "Tà chính thịnh suy"	380

II. TỨ CHẨN TỔNG QUÁT	381
1. VỌNG CHẨN	381
1.1. Vọng thần (nhìn thần sắc)	381
1.1.1. Những mối quan hệ của thần	382
1.1.2. Những biểu hiện của thần	382
a. Còn thần và mất thần	382
b. Hiện tượng giả thần	383
1.2. Vọng sắc (nhìn sắc)	383
1.2.1. Sách trạch bình thường	384
a. Chủ sắc	384
b. Khách sắc	384
1.2.2. Sắc trạch bệnh lý	384
1.2.3. Quan hệ giữa sắc trạch với mạch chứng	385
1.3. Hình dáng, trạng thái	386
1.3.1. Hình dáng	386
1.3.2. Trạng thái	386
1.4. Cách chia từng bộ vị để vọng chẩn	387
1.4.1. Đầu, mặt	387
a. Đầu	387
b. Mặt	388
– Bộ vị tạng phủ tương quan	388
– Ngũ sắc chủ bệnh	391
+ Sắc xanh	391
+ Sắc đỏ	391

+ Sắc vàng	391
+ Sắc trắng	392
+ Sắc đen	392
- Màu sắc biến hóa ở vùng mắt	392
+ Phù - trâm	393
+ Thanh - trọc	393
+ Vi - thậm	393
+ Tán - bác	393
+ Trạch - yếu	393
- Mặt biến dạng (không đề cập tới chấn thương)	393
+ Mặt sưng nề	393
+ Má sưng	394
+ Miệng mắt méo lệch	394
1.4.2. Mắt	394
a. Bộ vị tương quan giữa mắt với tạng phủ	394
b. Chẩn đoán thần của mắt	394
c. Chẩn đoán sắc ở mắt	395
d. Hình mắt chủ bệnh	395
1.4.3. Mũi	395
a. Ngũ sắc chủ bệnh	396
b. Biến hóa ngoại hình	396
1.4.4. Tai	396
a. Biến hóa sắc ở tai	397
b. Biến hóa ngoại hình	397
1.4.5. Răng và lợi răng	397
1.4.6. Xem vùng mặt để chẩn đoán bệnh giun	397

1.4.7. Hâu hống	399
1.4.8. Cổ gáy	399
1.4.9. Tay chân	399
a. Tay chân nói chung	399
b. Bàn tay và cổ tay	399
c. Móng tay	400
d. Ngư tể	400
1.4.10. Bì phu	400
a. Thũng trưởng	400
b. Phát vàng	400
c. Nốt đậu	401
d. Ban và chẩn	401
đ. Sởi	403
e. Phong chẩn (sảy)	403
f. Ẩn chẩn (mày đay)	403
g. Bệnh bồi	403
h. Ung nhọt	404
1.4.11. Cơ nhục (bắp thịt)	404
1.4.12. Tiền âm và hậu âm	404
1.4.13. Đờm dãi	405
1.4.14. Phân	405
1.4.15. Tiểu tiện	406
1.5. Xem lưỡi (Thiệt chẩn đại cương)	406
1.5.1. Nội dung của thiệt chẩn	408
1.5.1.1. Cách xem chất lưỡi	409

a. Thần của lưỡi	409
b. Sắc của lưỡi	409
c. Hình dáng của lưỡi	411
d. Các biểu hiện hình thái của lưỡi	412
1.5.1.2. Các xem rêu lưỡi	413
a. Nguyên nhân	413
b. Chẩn đoán	414
* Chủ bệnh của hình rêu lưỡi	414
* Chủ bệnh của sắc rêu	417
1.5.1.3. Trước khi biện về lưỡi phải chú ý những vấn đề sau	421
a. Chú ý đến ánh sáng	421
b. Quan hệ với thể chất	421
c. Rêu bị nhuộm	421
d. Lấy vải mỏng lau chùi rêu để phân biệt nặng nhẹ	422
2. VĂN CHẨN	423
2.1. Nghe âm thanh, tiếng nói	423
2.2. Nghe tiếng thở	424
2.3. Nghe tiếng ho	424
2.4. Nghe tiếng nôn, nấc	424
2.5. Nghe tiếng nấc (ách nghịch)	425
2.6. Ợ hơi, ợ chua	425
2.7. Ngửi mùi vị	426

3. VẤN CHẨN	427
Theo Thiên thập vấn của Trương Cảnh Nhạc	427
1. Nhất vấn hàn nhiệt	427
2. Nhị vấn hãn (mồ hôi)	428
3. Tam vấn đầu thân.	429
a. Đau đầu	429
b. Thân mình	430
4. Tứ vấn tiện (đại tiện, tiểu tiện)	430
a. Đại tiện	430
b. Tiểu tiện	431
5. Ngũ vấn ẩm thực (ăn uống khẩu vị)	432
6. Lục vấn hung (ngực bụng)	433
a. Vùng ngực	433
b. Vùng bụng	433
7. Thất vấn lung (tai điếc, tai ù)	434
a. Tai ù	434
b. Tai điếc	434
c. Điếc bẩm sinh	435
8. Bát vấn khát câu thường biện (thường thèm khát)	345
9. Cửu vấn cựu bệnh (bệnh cũ)	435
a. Bệnh cũ	435
b. Tình hình bệnh tật và diễn biến	436
10. Thập vấn nhân (hỏi về quê hương nơi sinh sống, phong tục tập quán, hoàn cảnh gia đình, đời tư, đặc điểm bệnh lý của giới tính...)	436
a. Quê quán	436
	627

b. Phong tục tập quán	436
c. Tình thần hoàn cảnh	436
d. Bệnh có liên quan đến giới tính	436
4. THIẾT CHẨN	437
4.1. Xúc chẩn	437
4.2. Mạch chẩn	438
4.2.1. Mạch thất biểu	438
4.2.2. Mạch bát lý	439
4.2.3. Mạch thất quái	440
4.2.4. Mạch cửu đạo	441

III. ĐẶC ĐIỂM TỨ CHẨN Ở CÁC KHOA TRONG ĐÔNG Y 443

1. ĐẶC ĐIỂM TỨ CHẨN TRONG ÔN BỆNH	443
1.1. Rêu lưỡi	443
1.1.1. Rêu trắng	443
1.1.2. Rêu vàng	443
1.1.3. Rêu xám	444
1.1.4. Rêu đen	444
1.2. Chất lưỡi	445
1.2.1. Lưỡi đỏ	445
1.2.2. Lưỡi đỏ thẫm	445
1.2.3. Lưỡi tía	445
1.3. Hình thái lưỡi	446

2. ĐẶC ĐIỂM TỨ CHẨN TRONG PHỤ KHOA 446

2.1. Vọng chẩn 448

2.1.1. Nhìn thần 448

2.1.2. Nhìn sắc 448

2.1.3. Hình dáng trạng thái 448

2.1.4. Xem lưỡi 449

a. Xem chất lưỡi 449

b. Xem rêu lưỡi 449

2.2. Văn chẩn 450

2.2.1. Nghe tiếng nói 450

2.2.2. Nghe tiếng thở 450

2.2.3. Nghe tiếng nôn 450

2.2.4. Ngửi mùi 450

2.3. Vấn chẩn 451

2.3.1. Hỏi về kinh, đới, thai, sản 451

2.3.2. Hàn nhiệt 452

2.3.3. Mồ hôi 452

2.3.4. Đầu mình 453

2.3.5. Ngực bụng 453

2.3.6. Đại tiểu tiện 454

2.3.7. Ăn uống khẩu vị 455

2.3.8. Tai điếc, tai ù 456

2.3.9. Miệng khô 456

2.3.10. Bệnh cũ 456

2.3.11. Quê quán 457

2.3.12. Tình thần, hoàn cảnh	457
2.4. Thiết chẩn	457
2.4.1. Xúc chẩn	457
2.4.2. Mạch chẩn	458
3. ĐẶC ĐIỂM CỦA TƯ CHẨN TRONG NGOẠI KHOA ĐÔNG Y	458
3.1. Vọng chẩn	459
3.1.1. Nhìn vị trí bị bệnh	459
3.1.2. Nhìn thần	459
3.1.3. Sắc da	460
3.1.4. Hình thái	460
3.1.5. Bì chẩn	460
3.1.6. Xem dây chằng môi để chẩn đoán trị bệnh trĩ hậu môn	460
3.1.7. Chất lưỡi	461
a. Chất lưỡi	461
b. Rêu lưỡi	461
3.2. Văn chẩn	462
3.2.1. Nghe tiếng nói	462
3.2.2. Nghe tiếng thở	462
3.2.3. Nghe tiếng nôn, nấc cụt	462
3.2.4. Ngửi mùi	462
3.3. Vấn chẩn	462
3.3.1. Hỏi vị trí bệnh hoặc vị trí bị tổn thương	463
3.3.2. Quê quán	463
3.3.3. Tình thần, hoàn cảnh	463

3.3.4. Hàn nhiệt	464
3.3.5. Mô hôi	464
3.3.6. Đầu mình	464
a. Về vị trí đau đầu	465
b. Về tính chất đau đầu	465
3.3.7. Ngực bụng	465
3.3.8. Đại tiểu tiện	466
3.3.9. Ăn uống, khẩu vị	466
3.3.10. Tai điếc, tai ù	467
3.3.11. Miệng khát	467
3.3.12. Bệnh cũ	467
3.3.13. Phụ nữ, trẻ em	468
a. Phụ nữ	468
b. Trẻ em	468
3.4. Thiết chẩn	468
3.4.1. Xúc chẩn	468
3.4.2. Xem mạch	469
4. ĐẶC ĐIỂM TƯ CHẨN TRONG THƯƠNG KHOA (CHẨN THƯƠNG)	470
4.1. Vọng chẩn	470
4.1.1. Nhìn toàn thân	470
4.1.2. Cục bộ tại chỗ bị tổn thương	472
4.2. Văn chẩn	475
4.2.1. Tiếng nói, tiếng kêu rên	475
4.2.2. Tiếng va chạm của xương	475

4.3. Vấn chẩn	475
4.3.1. Nguyên nhân gây bên	476
4.3.2. Cảm giác đau và các chứng trạng khi bị chẩn thương	476
4.4. Thiết chẩn	476
4.4.1. Xúc chẩn	476
4.4.2. Xem mạch	477
5. ĐẶC ĐIỂM TƯ CHẨN TRONG NHI KHOA	478
5.1. Vọng chẩn	478
5.1.1. Nhìn hình thể	478
5.1.2. Nhìn thần sắc	479
5.1.3. Xem miêu khiếu	479
5.1.4. Xem môi miệng	480
5.1.5. Xem lưỡi	480
5.1.6. Xem chỉ tay (vân tay)	480
5.2. Văn chẩn	483
5.2.1. Tiếng khóc và tiếng nói	483
5.2.2. Hơi thở và tiếng ho	483
5.2.3. Mùi các chất thải	484
5.3. Vấn chẩn	484
5.3.1. Hỏi về hàn, nhiệt	484
5.3.2. Hỏi về hãn	484
5.3.3. Hỏi về đầu, mình	484
5.3.4. Hỏi về đại, tiểu tiện	485
5.3.5. Hỏi về ăn uống	485
5.3.6. Hỏi về tình hình ngủ	485

5.3.7. Hỏi các vấn đề bất thường khác 485

5.4. Thiết chẩn 485

5.4.1. Thiết mạch 485

5.4.2. Ấn chẩn 485

5.4.3. Tay chẩn 486

5.4.4. Biện chứng ngũ tạng 486

6. ĐẶC ĐIỂM TƯ CHẨN TRONG CÁC BỆNH NGŨ QUAN 487

6.1. Đặc điểm tư chẩn trong nhãn khoa (mắt) 487

6.1.1. Đại cương về nhãn khoa 487

6.1.1.1. Ngũ luân 487

6.1.1.2. Bát quách 489

6.1.2. Đặc điểm chẩn đoán bệnh tật nhãn khoa 491

6.1.3. Phân biệt nội chứng, ngoại chứng 492

a. Ngoại chứng 492

b. Nội chứng 492

6.1.4. Phân biệt về chứng mắt đỏ 493

6.1.4.1. Phân biệt về đau, ngứa, đỏ và nước mắt 493

a. Đau, ngứa 493

b. Đỏ, nước mắt 494

6.1.4.2. Phân biệt về màng, vầng, mộng thịt 494

a. Màng 494

b. Vầng 496

c. Mộng thịt 496

6.1.4.3. Phân biệt về ngũ phong nội chứng 496

a. Ngân phong nội chứng 496

b. Thanh phong nội chướng	496
c. Lục phong nội chướng	497
d. Hoàng phong nội chướng	497
đ. Hắc phong nội chướng	497
6.2. Đặc điểm tứ chẩn trong hầu khoa (họng)	498
6.2.1. Đặc điểm của yết hầu	498
6.2.2. Đặc điểm chẩn đoán hầu khoa	498
a. Biện hư thực, hàn nhiệt	499
b. Biện khí vị	499
c. Biện sưng đau	499
d. Biện về mủ	500
đ. Biện tốt xấu lành dữ	500
6.3. Đặc điểm tứ chẩn trong nhĩ không (tai)	500
6.3.1. Đặc điểm của nhĩ không	500
6.3.2. Đặc điểm chẩn đoán của nhĩ không	501
6.4. Đặc điểm tứ chẩn trong ty không (mũi)	503
6.4.1. Đặc điểm của ty (mũi)	503
6.4.2. Đặc điểm chẩn đoán của ty không	503
6.5. Đặc điểm tứ chẩn trong nha xỉ (răng, lợi)	504
6.5.1. Đặc điểm của nha xỉ	504
6.5.2. Đặc điểm chẩn đoán trong nha xỉ	505
IV. BÁT CƯƠNG	508
1. ĐẠI CƯƠNG	508

2. CÁC CƯƠNG LĨNH CỦA BÁT CƯƠNG	508
2.1. Âm dương	508
2.1.1. Dương chứng và âm chứng	509
a. Dương chứng	509
b. Âm chứng	509
2.1.2. Chân âm suy và chân dương suy	509
2.1.3. Vong âm và vong dương	509
2.1.4. Bệnh về âm dương sinh tử	510
2.2. Biểu lý	511
2.2.1. Hàn, nhiệt, hư, thực của biểu lý	511
2.2.2. Biểu lý đồng bệnh	512
2.2.3. Chứng bán biểu bán lý	513
2.2.4. Chứng trạng từ biểu vào lý, từ lý ra biểu	514
2.3. Hàn nhiệt	514
2.3.1. Chứng hàn và chứng nhiệt	514
2.3.2. Hàn nhiệt ở thượng, hạ	515
2.3.3. Hiện tượng chân, giả	515
2.4. Hư thực	517
2.4.1. Hư chứng và thực chứng	517
2.4.2. Khí huyết hư thực	518
2.4.3. Phân biệt hư thực thác tạp, hư trung hiệp thực	519

PHẦN THỨ BA

MẠCH THÁI TỔ 521

MỘT SỐ CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA Y HỌC HIỆN ĐẠI CÓ LIÊN QUAN TỚI MẠCH HỌC CỦA ĐÔNG Y

I. MẠCH THÁI TỔ 523

1. SƠ LƯỢC LỊCH SỬ MẠCH HỌC 523

2. NỘI DUNG CƠ BẢN MẠCH THÁI TỔ 524

2.1. Thái Tổ viết 524

2.2. Lý Đông Viên viết 525

2.3. Vương Thúc Hòa viết 528

Mạch chi danh sắc 528

Mạch thất biểu 530

Mạch bát lý 530

Mạch thất quái 531

Mạch cứu đạo 531

Mạch chủ ca quyết 531

Tứ mạch kiến chứng 532

Phù mạch kiến chứng 532

Trầm mạch kiến chứng 532

Trì mạch kiến chứng 533

Sắc mạch kiến chứng 533

Tâm bộ mạch quyết	533
Can bộ mạch quyết	533
Thận bộ mạch quyết	534
Phế bộ mạch quyết	534
Tỳ bộ mạch quyết	534
Mệnh môn mạch quyết	534
Nội nhân mạch quyết	534
Ngoại nhân mạch quyết	535
Hữu dư mạch quyết	535
Bất túc mạch quyết	535
Thái quá mạch quyết	536
Bất cập mạch quyết	536
Bệnh mạch quyết	536
Lão thiếu mạch quyết	536
Tiểu nhị mạch quyết	536
Phụ nhân mạch quyết	537
Nữ quý mạch quyết	537
Nữ tiện mạch quyết	537
Thai rỗng mạch quyết	537
Phụ mẫu mạch quyết	537
Thê thiếp mạch quyết	538
Thê dâm mạch quyết	538
Tử tôn mạch quyết	538
Huỳnh đệ mạch quyết	538

Quan chức mạch quyết	538
Văn vũ mạch quyết	539
Ứng cử mạch quyết	539
Tài sản mạch quyết	539
Tiền hậu mạch quyết	539
Thọ khảo mạch quyết	539
Sinh tử mạch quyết	540
Ứng can mạch quyết	540
Ứng nhật thần	540
Luận mạch	541
Tam bộ mạch chủ bệnh quyết	541
Bảo nguyên huyền diệu phú	542
Luận tạng phủ mạch bệnh	543
Luận thương hàn mạch	544
Luận tạp bệnh mạch	545
Luận nữ nhân lão thiếu mạch	546
Luận quỷ thần tu tường mạch lý (lược)	547
Luận tể suy mạch lý.	547
Thái Tổ thông huyền phú	547
Dục tri nhân thức tu luận mạch tình dục quang gia sự cát hung	547
Dục ứng tiên trình tu tham dục lý	547
Chỉ luận phụ nhân tiên quân hữu thủ	547
Quý mạch cách	547
Tiền mạch cách	547

II. MỘT SỐ CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA Y HỌC HIỆN ĐẠI CÓ LIÊN QUAN TỚI MẠCH HỌC CỦA ĐÔNG Y

548

1. ĐỘNG MẠCH QUAY

548

1.1. Đường đi và liên quan

548

1.2. Các cung động mạch ở bàn tay

548

1.3. Một số vấn đề liên quan về phương diện tổ chức học động mạch

549

1.3.1. Cấu tạo

549

1.3.2. Phân loại

551

a. Động mạch trun

552

b. Động mạch cơ

552

2. XƯƠNG QUAY

552

2.1. Thân xương

553

2.2. Đầu dưới

553

3. SINH LÝ MÁU - MỘT SỐ TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HOÁ HỌC

555

3.1. Tính chất vật lý

555

3.2. Tính chất hoá học - Thành phần hoá học của máu

557

3.2.1. Các chất đậm

557

3.2.2. Các chất mỡ

558

3.2.3. Các chất đường

559

3.2.4. Các chất điện giải

560

3.2.5. Các chất khí và cân bằng kiềm toan

561

3.2.6. Các nguyên tố khác

561

3.2.7. Các chất nội tiết tố

562

4. SỰ TUẦN HÀNH CỦA MÁU TRONG LÒNG ĐỘNG MẠCH VÀ NHỮNG YẾU TỐ LIÊN QUAN TẠO NÊN TÍNH ĐẶC THÙ CỦA MẠCH TRONG ĐỘNG MẠCH QUAY TẠI RÃNH MẠCH	562
5. CÁCH XEM MẠCH THEO ĐÔNG Y	563
5.1. Vị trí xem mạch	563
5.2. Thời gian và tư thế xem mạch	565
5.3. Cách xem mạch	565
III. SỰ THỐNG NHẤT MÔ TẢ MỘT SỐ MẠCH CỦA THÁI TỔ VÀ Y HỌC HIỆN ĐẠI	566
1. MẠCH TRÌ	566
2. MẠCH SẮC	568
3. LUẬN MẠCH CÓ THAI TRONG CHƯƠNG “THAI RỤNG MẠCH QUYẾT”	571
4. MẠCH HUYỀN VỚI TĂNG HUYẾT ÁP	572
5. MẠCH THẤT QUÁI (BẢY MẠCH BẤT THƯỜNG)	574
5.1. Tước trác	576
5.2. Đàn thạch	576
5.3. Phủ phất	577
5.4. Hà ru	577
5.5. Lậu ốc	578
5.6. Ngư tường	579
5.7. Giải sách	580

IV. TÓM TẮT HUYỆT VỊ THEO ĐƯỜNG KINH	581
1. MƯỜI HAI KINH MẠCH	581
1.1. Kinh Thủ Thái âm Phế	581
1.2. Kinh Thủ Dương minh Đại trường	581
1.3. Kinh Túc Dương minh Vị	582
1.4. Kinh Túc Thái âm Tỳ	584
1.5. Kinh Thủ Thiếu âm Tâm	584
1.6. Kinh Thủ Thái dương Tiểu trường	585
1.7. Kinh Túc Thái dương Bàng quang	585
1.8. Kinh Túc Thiếu âm Thận	588
1.9. Kinh Thủ Quyết âm Tâm bào	589
1.10. Kinh Thủ Thiếu dương Tam tiêu	589
1.11. Kinh Túc Thiếu dương Đởm	590
1.12. Kinh Túc Quyết âm Can	592
2. BÁT MẠCH KỲ KINH	592
2.1. Mạch Đốc	592
2.2. Mạch Nhâm	593
2.3. Mạch Đới	594
2.4. Mạch Xung	595
2.5. Mạch Dương kiêu	595
	641

2.6. Mạch Âm kiều	595
2.7. Mạch Dương duy	596
2.8. Mạch Âm duy	596
3. PHÂN BIỆT MƯỜI LĂM LẠC MẠCH HUYỆT	596
4. MƯỜI HAI KINH CÂN	597
5. NGŨ TẠNG CHUY HUYỆT	598
6. BÁT HUYỆT HỘI	598
7. KINH NGOẠI KỲ HUYỆT	598

V. MẪU BỆNH ÁN (Y ÁN) 600

NHÀ XUẤT BẢN Y HỌC

CHẨN ĐOÁN HỌC ĐÔNG Y

Chịu trách nhiệm xuất bản
HOÀNG TRỌNG QUANG

<i>Biên tập viên:</i>	BS. TÔ ĐÌNH QUỲ
<i>Sửa bản in:</i>	BS. TÔ ĐÌNH QUỲ
<i>Trình bày bìa:</i>	CHU HÙNG
<i>Kỹ thuật vi tính:</i>	LÊ HÀ NINH

CHẨN ĐOÁN HỌC ĐÔNG Y



TTND. BS. TRẦN VĂN BẢN

CÙNG MỘT TÁC GIẢ:

- * THƯƠNG HÀN LUẬN - NXB Y HỌC
- * MẠCH CHẨN Y HỌC CỔ TRUYỀN - NXB Y HỌC
- * BỆNH HỌC NỘI KHOA ĐÔNG Y - NXB Y HỌC
- * BỆNH HỌC NGOẠI KHOA, THƯƠNG KHOA ĐÔNG Y - NXB Y HỌC
- * BỆNH HỌC PHỤ KHOA ĐÔNG Y - NXB Y HỌC
- * PHƯƠNG TẾ HỌC - NXB Y HỌC



NHÀ XUẤT BẢN Y HỌC

Địa chỉ: 352 Đội Cấn - Ba Đình - Hà Nội
Điện thoại: 04.7 625 922 - 7 625 934 * Fax: 04.7 625 923
Website: www.cimsi.org.vn/nhaxuatbanyhoc
Email: xuatbanyhoc@fpt.vn
Chi nhánh: 699 Trần Hưng Đạo - Quận 5 - TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 08.9 235 648 * Fax: 08.9 230 562

